**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

(Do khách hàng và ngân hàng cùng lập)

**HỢP ĐỒNG CẤP TÍN DỤNG HẠN MỨC**

**Số: <HDV\_MA\_HD\_VAY>/HĐTD**

- Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005, Luật các TCTD năm 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

- Theo thỏa thuận của các bên.

Hôm nay, ngày <HDV\_NGAY>, tại <CHI\_NHANH\_TEN\_PGD\_VIET\_THUONG>, chúng tôi gồm:

**1. BÊN CHO VAY (Bên A)**

**<CHI\_NHANH\_TEN\_CN\_DAY\_DU>.**

Trụ sở tại: <CHI\_NHANH\_DIA\_CHI>.

Mã số thuế : <CHI\_NHANH\_MST>.

Điện thoại: <HDV\_DIEN\_THOAI\_DAI\_DIEN\_AGRIBANK>; Fax: <HDV\_FAX\_DAI\_DIEN\_AGRIBANK>.

Người đại diện là <HDV\_DANH\_XUNG\_DAI\_DIEN\_AGRIBANK> <HDV\_DAI\_DIEN\_AGRIBANK> - Chức vụ: <HDV\_CHUC\_VU\_DAI\_DIEN\_AGRIBANK>.

<HDV\_GIAY\_UY\_QUYEN\_HDTV><HDV\_GIAY\_UY\_QUYEN\_AGRIBANK>.

**2. BÊN VAY (Bên B):**

**<KHV\_TC\_TEN>.**

Trụ sở tại: <KHV\_TC\_DC>.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: <KHV\_TC\_DKKD>.

Người đại diện: <KHV\_TC\_DAI\_DIEN> - Chức vụ: <KHV\_TC\_CHUC\_VU\_DAI\_DIEN>.

CMTND số: <KHV\_TC\_CMND\_DAI\_DIEN>, ngày cấp: <KHV\_TC\_NGAY\_CAP\_CMND\_DAI\_DIEN>, nơi cấp: <KHV\_TC\_NOI\_CAP\_CMND\_DAI\_DIEN>.

Địa chỉ: <KHV\_TC\_DC\_DAI\_DIEN>.

***Hai bên thống nhất việc Bên A cho Bên B vay tiền theo nội dung dưới đây:***

**Điều 1. Hạn mức cấp tín dụng**

- Tổng hạn mức tín dụng được cấp (tối đa): <HDV\_TONG\_HAN\_MUC\_TIN\_DUNG> đồng.

Bằng chữ: <HDV\_TONG\_HAN\_MUC\_TIN\_DUNG\_BANG\_CHU>đồng.

Trong đó:

+ Hạn mức cho vay (tối đa): <HDV\_HAN\_MUC\_TIN\_DUNG> đồng.

Bằng chữ: <HDV\_HAN\_MUC\_TIN\_DUNG\_BANG\_CHU>đồng.

+ Hạn mức bảo lãnh (tối đa): <HDV\_HAN\_MUC\_BAO\_LANH> đồng.

Bằng chữ: <HDV\_HAN\_MUC\_BAO\_LANH\_BANG\_CHU> đồng.

Trường hợp hạn mức dư nợ chưa sử dụng hết Bên A có thể xem xét cho bên B sử dựng tăng hạn mức bảo lãnh.

- Đồng tiền cấp tín dụng: Việt Nam đồng.

Trong thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng, đáp ứng các điều kiện tại hợp đồng này và quy định pháp luật có liên quan, Bên B được Bên A cấp tín dụng trong phạm vi hạn mức này.

**Điều 2. Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng**

Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng: <HDV\_THOI\_HAN\_VAY>, thời hạn hiệu lực cuối cùng vào ngày <HDV\_HAN\_TRA\_NO\_CUOI>.

**Điều 3. Cho vay theo HMTD**

Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng.

Mục đích vay vốn: <HDV\_MUC\_DICH\_VAY>.

Thời hạn cho vay: Theo chu kỳ SXKD, dịch vụ và khả năng trả nợ của Bên B nhưng tối đa không quá 12 tháng. Thời hạn cho vay, kỳ hạn nợ cụ thể hai bên thỏa thuận và ghi trong Giấy nhận nợ.

**Điều 4. Bảo lãnh ngân hàng**

1. Bên A cam kết cung cấp hạn mức bảo lãnh tối đa nêu tại Điều 1 hợp đồng này.

2. Mức cấp bảo lãnh cụ thể, loại bảo lãnh, thời hạn bảo lãnh và các vấn đề có liên quan được Bên A và Bên B xem xét quyết định cho từng lần và thỏa thuận tại hợp đồng cấp bảo lãnh, cam kết bảo lãnh.

3. Bên A và Bên B thực hiện quy định của Ngân hàng nhà nước, của Agribank về bảo lãnh ngân hàng.

**Điều 5.** **Lãi suất cho vay, phí**

**1. Lãi suất cho vay**

- Mức lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: <HDV\_LAI\_SUAT>. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ được điều chỉnh theo quy định của <CHI\_NHANH\_TEN\_CN\_VIET\_THUONG> tại thời điểm nhận nợ.

- Phương thức áp dụng:

+ Áp dụng lãi suất biến đổi. Định kỳ vào ngày 05 tháng đầu quý, <CHI\_NHANH\_TEN\_CN\_VIET\_THUONG> được quyền điều chỉnh lãi suất bằng với mức lãi suất do bên A quy định tại thời điểm điều chỉnh đối với số dư còn lại của hợp đồng cấp tín dụng này.

+ <CHI\_NHANH\_TEN\_CN\_VIET\_THUONG> thông báo cho khách hàng về việc áp dụng lãi suất cho vay sau khi điều chỉnh thay cho việc 2 bên phải ký kết các văn bản sửa đổi, bổ sung đối với hợp đồng cấp tín dụng này.

- Phương pháp trả lãi tiền vay: <HDV\_PHUONG\_THUC\_TRA\_LAI>.

**2. Nợ quá hạn và lãi suất phạt quá hạn**

- Khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu Bên B không trả nợ đúng hạn gốc và/hoặc lãi và không được Bên A chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì Bên A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn và Bên B phải chịu lãi suất phạt quá hạn trên số tiền thực tế quá hạn.

- Bên B vi phạm hợp đồng tín dụng, bị Bên A thu hồi nợ trước hạn, nếu Bên B không trả hết nợ theo thời hạn thu hồi trước hạn thì toàn bộ dư nợ của Hợp đồng cấp tín dụng được chuyển sang nợ quá hạn và Bên B phải chịu lãi suất phạt quá hạn trên toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng.

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất quá hạn cụ thể được ghi trong Giấy nhận nợ.

**3. Các loại phí:**

Bên A thực hiện thu phí theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của Agribank. Việc thu phí được thỏa thuận bằng văn bản riêng giữa Bên A và Bên B.

**Điều 6***.* **Giải ngân vốn vay**

Trong phạm vi và thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng nêu tại Điều 1, Điều 2 Hợp đồng này, Bên A giải ngân tiền vay khi Bên B có nhu cầu theo thủ tục và các điều kiện sau:

- Bên B thực hiện đầy đủ các cam kết nêu tại hợp đồng này.

- Đáp ứng các điều kiện trước khi giải ngân.

- Mỗi lần nhận tiền vay, Bên B lập Giấy nhận nợ gửi Bên A kèm các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn phù hợp với mục đích trong hợp đồng này. Tổng số tiền thực vay là tổng dư nợ được ghi trên tất cả các giấy nhận nợ và không vượt quá số tiền vay nêu tại Điều 1.

- Phương thức giải ngân theo từng lần nhận nợ phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước và của Agribank.

**Điều 7.** **Trả nợ gốc, lãi, phí**

1. Bên B thực hiện trả nợ gốc, lãi theo đúng thời hạn ghi tại Giấy nhận nợ hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng (trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ).

2. Trường hợp ngày trả nợ gốc, lãi vay và phí trùng với ngày nghỉ theo chế độ thì Bên B được quyền trả nợ vào ngày làm việc kế tiếp.

3. Loại tiền trả nợ: VNĐ.

Điều 8. Chuyển nợ quá hạn, nhận nợ bắt buộc

1. Đến kỳ hạn trả nợ đã thoả thuận trong hợp đồng này, nếu Bên B không trả nợ, không được Bên A chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì toàn bộ dư nợ gốc của hợp đồng này là nợ quá hạn. Bên B phải chịu lãi suất phạt quá hạn theo quy định tại Điều 5 hợp đồng này đối với dư nợ gốc của kỳ hạn mà Bên B không trả đúng hạn.

2. Trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng cấp bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, Bên A phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên B, Bên B phải nhận nợ bắt buộc theo quy định về bảo lãnh của Ngân hàng Nhà nước và của Agribank. Lãi suất nhận nợ bắt buộc bằng lãi suất phạt quá hạn theo Điều 5 của hợp đồng này.

3. Trường hợp Bên B vi phạm Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức và bị Bên A xử lý thu hồi trước hạn như quy định tại Điều 14 hợp đồng này mà Bên B không trả được nợ theo thời hạn thu hồi trước hạn thì khoản nợ của Bên B là quá hạn. Bên B phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo Điều 5 hợp đồng này và Bên A được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ vay.

Điều 9. Thanh lý hợp đồng cấp tín dụng hạn mức, ký kết hợp đồng cấp tín dụng hạn mức mới

1. Khi hết thời hạn hiệu lực rút vốn của hợp đồng cấp tín dụng hạn mức theo Điều 2 Hợp đồng này mà Bên B không có nhu cầu hoặc Bên A không tiếp tục ký hợp đồng mới thì Bên A không tiếp tục giải ngân tiền vay cho bên B. Bên B tiếp tục trả nợ các giấy nhận nợ theo thời hạn cho vay. Bên B thực hiện hết nghĩa vụ của hợp đồng cấp tín dụng hạn mức thì hợp đồng này tự động hết hiệu lực.

2. Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng cấp tín dụng hạn mức, nếu Bên B có nhu cầu và được Bên A chấp thuận ký hợp đồng cấp tín dụng hạn mức mới các bên sẽ thanh lý hợp đồng cấp tín dụng hạn mức này và ký hợp đồng cấp tín dụng hạn mức mới. Toàn bộ dư nợ còn lại của hợp đồng cấp tín dụng hạn mức này chuyển sang theo dõi và thực hiện tại hợp đồng cấp tín dụng hạn mức mới.

Điều 10. Bảo đảm tiền vay

- Áp dụng bảo đảm tiền vay: <HDV\_BAO\_DAM\_TIEN\_VAY>.

- Hình thức bảo đảm tiền vay: <HDV\_HINH\_THUC\_BAO\_DAM>.

- Tài sản bảo đảm: <HDV\_TAI\_SAN\_BAO\_DAM>.

- Tổng giá trị: <HDV\_GIA\_TRI\_TAI\_SAN\_BAO\_DAM> đồng. (Bằng chữ: <HDV\_GIA\_TRI\_TAI\_SAN\_BAO\_DAM\_BANG\_CHU>đồng).

- Nghĩa vụ trả nợ của Bên B tại Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức này được bảo đảm bằng <HDV\_HOP\_DONG\_THE\_CHAP>, các hợp đồng bảo đảm khác và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo.

**Điều 11. Sử dụng dịch vụ ngân hàng**

- Ngoài việc cấp tín dụng, Bên B cam kết sử dụng các sản phẩm tiện ích khác của Agribank.

**Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.**

**1. Quyền của Bên A.**

a)Yêu cầu Bên B thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nêu tại Điều 13 Hợp đồng này;

b) Từ chối giải ngân vốn vay của Bên B nếu thấy không đáp ứng các điều kiện theo thỏa thuận tại hợp đồng này.

c) Kiểm tra, giám sát quá trình cho vay, sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên B;

d) Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Bên B cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay;

đ) Khởi kiện, tố cáo Bên B vi phạm hợp đồng cấp tín dụng hoặc người bảo lãnh theo quy định của pháp luật;

e) Khi đến hạn mà Bên B không trả nợ, nếu các bên không có thỏa thuận khác, thì Bên A có quyền xử lý tài sản bảo đảm vốn vay theo sự thoả thuận trong hợp đồng bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với trường hợp Bên B được bảo lãnh vay vốn;

g) Được quyền tự động trích tiền từ tài khoản tiền gửi của Bên B mở tại bên A và các chi nhánh trong hệ thống của Bên A, đề nghị các TCTD khác trích tài khoản tiền gửi chuyển cho Bên A để thu hồi nợ đến hạn, quá hạn;

h) Miễn, giảm lãi vốn vay, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ theo quy định của NHNN và của Agribank.

**2. Nghĩa vụ của Bên A**

a) Thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng hạn mức;

b) Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

**1. Quyền của Bên B**

a) Nhận đầy đủ tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết;

b) Từ chối các yêu cầu của Bên A không đúng với thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, không đúng quy định của pháp luật;

c) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng cấp tín dụng hạn mức theo quy định của pháp luật.

**2.** **Nghĩa vụ của Bên B**

a) Cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp như:

- Các thông tin, tài liệu liên quan đến dự án, phương án sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống; chứng minh năng lực tài chính, năng lực hoạt động; biện pháp bảo đảm tiền vay;

- Cung cấp thông tin về thay đổi cổ đông sáng lập, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; thay đổi về vốn điều lệ và các nội dung thay đổi khác trong Giấy chứng nhận đăng ký DN;

- Cung cấp thông tin về hoạt động kinh doanh: Gửi báo cáo tài chính cho Bên A hàng năm chậm nhất vào ngày 31/3 của năm tiếp theo;

- Cung cấp thông tin về biến động của tài sản bảo đảm tiền vay và các thông tin khác theo yêu cầu của Bên A.

b) Sử dụng tiền vay đúng mục đích ghi trong hợp đồng cấp tín dụng hạn mức, giấy nhận nợ và cung cấp các tài liệu chứng minh sử dụng vốn vay;

c) Tạo điều kiện thuận lợi để Bên A kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay, tình hình tài sản bảo đảm tiền vay, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Bên B;

d) Trả nợ gốc và lãi tiền vay, phí đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng hạn mức;

đ) Thực hiện các thoả thuận, cam kết khác nêu trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay.

Điều 14. Sự kiện vi phạm hợp đồng và xử lý vi phạm

1. Sự kiện vi phạm hợp đồng

Sự kiện vi phạm hợp đồng phát sinh khi các bên không thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các thỏa thuận tại hợp đồng này và các nghĩa vụ nêu tại Điều 12, Điều 13 Hợp đồng này.

2. Xử lý vi phạm hợp đồng

a) Trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng, tùy theo mức độ vi phạm, Bên A có quyền quyết định hình thức xử lý như: Ngừng giải ngân, thu hồi nợ trước hạn, áp dụng lãi suất phạt nợ quá hạn, xử lý tài sản bảo đảm, khởi kiện và các quyền của Bên A trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp Bên A vi phạm hợp đồng, Bên B có quyền yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại xảy ra.

Điều 15. Chuyển nhượng hợp đồng, không từ bỏ quyền và hiệu lực từng phần

**1. Chuyển nhượng hợp đồng**

Hợp đồng này có hiệu lực bắt buộc đối với các bên kế nhiệm, bên nhận chuyển nhượng và bên nhận chuyển giao được phép tương ứng của các bên trong Hợp đồng này. Các bên kế nhiệm, nhận chuyển nhượng, chuyển giao được phép đó thừa hưởng các quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này.

Bên B chỉ được chuyển nhượng hoặc chuyển giao bất kỳ quyền, nghĩa vụ hay tài liệu giao dịch nào của Hợp đồng này cho bên thứ ba nào khác sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của bên A.

**2. Không từ bỏ quyền**

Việc Bên A không thực hiện hoặc chậm thực hiện bất kỳ quyền nào theo Hợp đồng này sẽ không được xem là sự từ bỏ các quyền đó. Việc thực hiện riêng rẽ hoặc một phần bất kỳ quyền nào theo Hợp đồng này sẽ không cản trở việc thực hiện các quyền khác theo Hợp đồng này.

**3. Hiệu lực từng phần**

Tất cả điều khoản và từng phần của các điều khoản của Hợp đồng này sẽ có hiệu lực riêng rẽ và độc lập với các điều khoản khác. Nếu có bất kỳ điều khoản vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thi hành theo pháp luật Việt Nam, thì hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thi hành các điều khoản còn lại của Hợp đồng này sẽ không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 16. Các cam kết, thoả thuận khác

- Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng, bên A thực hiện giải ngân cho bên B căn cứ theo khả năng nguồn vốn cho vay của bên A.

<HDV\_HD\_VAY\_CU>

Điều 17. Cam kết chung

1. Các tài liệu được coi là bộ phận không thể tách rời hợp đồng này, gồm:

a) Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức, Phụ lục hợp đồng;

b) Kế hoạch trả nợ, lịch giải ngân, Giấy nhận nợ, Ủy nhiệm chi, Giấy lĩnh tiền mặt từ tài khoản tiền vay, chứng từ thu nợ gốc, lãi vay, phí.

c) Các thông báo bằng văn bản của Bên A chấp thuận theo đề nghị của Bên B như: Thông báo cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Thông báo miễn giảm lãi.

d) Các văn bản khác theo thỏa thuận của người có thẩm quyền của hai bên và hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Các bên cam kết người đại diện Bên A và Bên B có đầy đủ thẩm quyền giao kết hợp đồng và chịu trách nhiệm trong việc ký kết hợp đồng này.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Nếu có tranh chấp hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi. Trong trường hợp không thương lượng, giải quyết được thì tranh chấp phát sinh sẽ được đưa ra giải quyết tại Toà án nơi Bên A đóng trụ sở.

Điều 18. Hiệu lực của hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên B hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ cho Bên A (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí khác liên quan); hoặc các bên thỏa thuận chuyển dư nợ còn lại của hợp đồng này sang hợp đồng hạn mức cấp tín dụng mới.

2. Các bên đã đọc, nghiên cứu, hiểu rõ và chấp nhận các quyền, nghĩa vụ của mình có liên quan đến hợp đồng này.

3. Hợp đồng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A**  *(ký tên, đóng dấu* | **ĐẠI DIỆN BÊN B**  *(ký, ghi rõ họ tên)* |